

Số: **571** /PCTT-VPĐK-ĐK

TP.HCM, ngày **24** tháng **6** năm 2025.

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỀ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI 10 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN TẠI TÒA PARK 1, KHU PHÚC HỢP TÂN CẢNG SÀI
GÒN, PHƯỜNG 22, QUẬN BÌNH THẠNH

Kính gửi: Đội Thuế quận Bình Thạnh

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI 1.1. Mã hồ sơ : theo danh sách đính kèm 10 hồ sơ 1.2. Ngày nhận hồ sơ: 31/7/2024, 02/10/2024, 25/10/2024.
II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT 2.1. Tên, Địa chỉ: theo danh sách đính kèm 10 hồ sơ 2.2. Địa chỉ: . 2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):..... 2.4. Mã số thuế (nếu có):..... 2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân: -/- 2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: cấp Giấy chứng nhận tại dự án phát triển nhà ở.
III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT 3.1. Thông tin về đất 3.1.1. Thửa đất số: 245 ; Tờ bản đồ số: 14 ; 3.1.2. Địa chỉ tại: 720A Điện Biên Phủ, Phường 22, quận Bình Thạnh, Tp.HCM. 3.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất: - Vị trí thửa đất: Vị trí 1; Nguyễn Hữu Cánh/trộn đường; 3.1.4 Diện tích thửa đất: 34.141,3 m ² - Diện tích sử dụng chung: 34.141,3 m ² - Diện tích sử dụng riêng: -/- m ² 3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. 3.1.6. Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị. 3.1.7. Thời hạn sử dụng đất: lâu dài. 3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:...../...../.....; 3.1.9. Giá đất: theo bảng giá đất tại Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT48066 ngày 19/10/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất: **theo danh sách đính kèm 10 hồ sơ**

3.2.1. Loại nhà ở, công trình: ;

3.2.2. Diện tích xây dựng: -/- m²;

3.2.3. Diện tích sàn xây dựng/diện tích sử dụng : -/- m²;

3.2.4. Diện tích sở hữu chung (thông thủy): m²; (tìm tường): m²;

Diện tích sở hữu riêng ;

3.2.5. Số tầng: 38 tầng + 03 hầm;

Kết cấu: Tường gạch, khung sàn BTCT, mái BTCT.

Năm hoàn thành công trình đưa vào sử dụng: 2018;

3.2.6. Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng;

3.2.7. Thời hạn sở hữu đến: -/-.

IV. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP

- Đơn Đăng ký mẫu số 11/ĐK;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT48066 ngày 19/10/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp;

- Hợp đồng mua bán căn hộ, các phụ lục hợp đồng và văn bản chuyển nhượng (nếu có);

- Bản vẽ sơ đồ căn hộ chung cư.

Ghi chú: Công ty Cổ phần Vinhomes và người mua cung cấp thêm các chứng từ liên quan (nếu có) để Đội Thuế xác định nghĩa vụ tài chính cho các bên theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở TN&MT (để báo cáo);
- Trung tâm CNTT (để đăng tin);
- Công ty CP Vinhomes (để liên hệ);
- Ông, bà theo danh sách (để liên hệ);
- Lưu: VT, ĐK.Đ. HS:578/24(10hs)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Thân Thế Hùng

DANH SÁCH 10 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
TẠI TÒA PARK 10, AN KHU PHỨC HỢP TÂN CẢNG SÀI GÒN, PHƯỜNG 22, QUẬN BÌNH THẠNH
(VINHOMES CENTRAL PARK)

(Đính kèm Phiếu chuyển số:57.1.... /PCTT-VPĐK-ĐK ngày 24 / 6 /2025
của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố)

STT	BN	Tên khách hàng	Mã căn hộ theo hợp đồng	Căn hộ theo cấp số nhà	Diện tích thông thủy (m2)	Diện tích tìm tường (m2)	Hình thức sở hữu	Loại căn hộ
1	578	Ông HIRASHIMA AKIHISA Năm sinh: 1953; Quốc tịch: Nhật Bản Hộ chiếu số: TS0752862; Ngày cấp: 18/05/2018; Nơi cấp: Bộ Ngoại Giao Nhật Bản Bà HIRASHIMA KYOKO Năm sinh: 1948; Quốc tịch: Nhật Bản Hộ chiếu số: TS3933088; Ngày cấp: 18/07/2019; Nơi cấp: Bộ Ngoại Giao Nhật Bản	P1-15.12A	P1-15.13	106.1	115.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở
2	579	Ông HAN JEONGHO Năm sinh: 1969; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M32826815; Ngày cấp: 17/01/2017; Nơi cấp: Hàn Quốc Bà JUNG HYEYOUNG Năm sinh: 1974; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M34134899; Ngày cấp: 04/12/2017; Nơi cấp: Hàn Quốc	P1-21.05	P1-21.05	45.5	51.2	Sở hữu chung	Căn hộ ở
3	1045	Ông BRIAN JOHN PERCIVAL Năm sinh: 1950; Quốc tịch: New Zealand Hộ chiếu số: LM615503; Ngày cấp: 05/04/2018; Nơi cấp: New Zealand	P1-29.09	P1-29.09	61.9	70.6	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
4	1230	Ông PENRY SHAWN CHRISTOPHER Năm sinh: 1972; Quốc tịch: Canada Hộ Chiếu số: AS244364; Ngày cấp: 10/06/2022; Nơi cấp: Canada Bà PARK KUN SOOK Năm sinh: 1976; Quốc tịch Hàn Quốc Hộ chiếu số: M51109088; Ngày cấp: 05/10/2018; Nơi cấp: Hàn Quốc	P1-12.12A	P1-12.13	106.0	115.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở



STT	BN	Tên khách hàng	Mã căn hộ theo hợp đồng	Căn hộ theo cấp số nhà	Diện tích thông thủy (m ²)	Diện tích tìm tường (m ²)	Hình thức sở hữu	Loại căn hộ
5	1231	Ông CHUNG JONG HWA Năm sinh: 1948; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M71589160; Ngày cấp: 17/07/2015; Nơi cấp: Hàn Quốc Bà JIN KYUNG SUK Năm sinh: 1958; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M21363144; Ngày cấp: 12/09/2018; Nơi cấp: Hàn Quốc	P1-12.12B	P1-12.14	140.7	153.6	Sở hữu chung	Căn hộ ở
6	1232	Ông LEE KWANG YEOL Năm sinh: 1961; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M17341933; Ngày cấp: 25/02/2016; Nơi cấp: Hàn Quốc Bà CHOI BOG KI Năm sinh: 1962; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M28619284; Ngày cấp: 30/05/2019; Nơi cấp: Hàn Quốc	P1-15.04	P1-15.04	63.9	72.2	Sở hữu chung	Căn hộ ở
7	1233	Ông YANG KUM MO Năm sinh: 1960; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M12689187; Ngày cấp: 16/03/2017; Nơi cấp: Hàn Quốc Bà: LEE HEESoon Năm sinh: 1965; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M03994946; Ngày cấp: 17/03/2020; Nơi cấp: Hàn Quốc	P1-25.15	P1-25.15	141.9	153.6	Sở hữu chung	Căn hộ ở
8	1234	Ông RYU JAE JUN Năm sinh: 1963; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M26325630; Ngày cấp: 14/10/2015; Nơi cấp: Hàn Quốc Bà CHO YOUNG HEE Năm sinh: 1966; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M093316422; Ngày cấp: 11/06/2021; Nơi cấp: Hàn Quốc	P1-30.12A	P1-30.13	106.2	115.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở
9	1235	Bà WATANABE SACHIKO Năm sinh: 1964; Quốc tịch: Nhật Bản Hộ Chiếu số: TZ1260351; Ngày cấp: 29/01/2018; Nơi cấp: Nhật Bản	P1-34.05	P1-34.05	45.5	51.2	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
10	1236	Ông LIM CHAE HWAN Năm sinh: 1959; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M14888457; Ngày cấp: 24/05/2019; Nơi cấp: Hàn Quốc Bà LEE SOOK HYUN Năm sinh: 1963; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M59043309; Ngày cấp: 31/12/2014; Nơi cấp: Hàn Quốc	P1-34.12A	P1-34.13	106.2	115.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở

✓

442